

Số /BC-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
Tổng kết 18 năm thực hiện Pháp lệnh Dân số

Kính gửi: Bộ Y tế

Thực hiện Công văn số 2097/BYT-TCDS ngày 26/3/2021 của Bộ Y tế về việc báo cáo tổng kết 18 năm thực hiện Pháp lệnh Dân số, UBND tỉnh Lào Cai báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LỆNH DÂN SỐ

1. Ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc thi hành

Trong 18 năm (2003-2021) triển khai thực hiện Pháp lệnh Dân số, tỉnh Lào Cai đã ban hành nhiều chủ trương chính sách quan trọng nhằm đẩy mạnh thực hiện Pháp lệnh Dân số như: Chỉ thị của Tỉnh ủy; Chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định, kế hoạch, văn bản chỉ đạo các sở ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình (KHHGD).

Các cơ quan, ban ngành, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh tham gia, hưởng ứng thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc gương mẫu trong thực hiện Pháp lệnh Dân số; có sự phối hợp liên ngành trong tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân thực hiện chính sách dân số. Đưa các chỉ tiêu thực hiện công tác dân số-KHHGD trong việc đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm của đơn vị. Các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành các chỉ thị, nghị quyết chuyên đề, chương trình, kế hoạch hành động về công tác dân số-KHHGD với mục tiêu nhằm giảm mức sinh, giảm sinh con thứ 3 trở lên, giảm tảo hôn và kết hôn cận huyết thống, nâng cao chất lượng dân số. Hàng năm Ban chỉ đạo công tác dân số-KHHGD các cấp (nay là Ban chỉ đạo công tác Y tế - Dân số) trực tiếp chỉ đạo các ngành, đoàn thể tham gia các hoạt động truyền thông, vận động nhân dân thực hiện chính sách dân số-KHHGD. Qua nhiều năm kiên trì, bền bỉ thực hiện, đến nay đa số người dân trong tỉnh đã chấp nhận mô hình gia đình ít con. Năm 2020, tỉnh Lào Cai có quy mô dân số là 746.355 người; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 11,56‰; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 12,68%; tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 70%.

(Kèm theo Phụ lục các văn bản của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Lào Cai lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Pháp lệnh Dân số và các văn bản liên quan giai đoạn 2003-2021)

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số

- Sau khi Pháp lệnh dân số có hiệu lực, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch chỉ đạo tuyên truyền về pháp lệnh Dân số, Nghị định số 104/2023/NĐ-CP của Chính phủ cho cán bộ và lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và lãnh đạo các huyện, thành phố. Tăng cường công tác phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của người dân về chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình (CSSKSS/KHHGD) bằng nhiều hình thức như đưa nội dung giáo dục dân số CSSKSS/KHHGD vào chương trình giảng dạy của trường Chính trị tỉnh, các hoạt động của đoàn viên thanh niên ở cơ sở, các trường phổ thông. Xây dựng các mô hình thí điểm về dân số-KHHGD, mô hình câu lạc bộ dân số phối hợp với các câu lạc bộ nông dân, phụ nữ, thanh niên, người cao tuổi.

- Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật các cấp, các cơ quan chuyên ngành đã tổ chức nhiều đợt tuyên truyền trực tiếp cho cán bộ, nhân dân, chiến sỹ trên địa bàn toàn tỉnh thông qua các hình thức hội thảo, hội nghị, tập huấn và lồng ghép trong các buổi họp cơ quan, thôn bản, tổ dân phố; các buổi sinh hoạt đoàn thể, sinh hoạt câu lạc bộ, các buổi truyền thông lưu động...

- Các sở, ngành đã chủ động phối hợp cùng cơ quan liên quan đưa nội dung truyền thông về Pháp lệnh Dân số vào thực hiện tại cơ sở; Sở Tư pháp lồng ghép truyền thông 41.486 buổi cho 426.419 lượt người nghe về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các văn bản pháp luật về dân số và Pháp lệnh Dân số, Luật Hôn nhân và Gia đình; biên soạn và phát hành 10.000 cuốn sổ tay tuyên truyền hỏi đáp về Pháp lệnh Dân số; tiếp tục duy trì và mở rộng các câu lạc bộ mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số tại 9/9 huyện, thị xã, thành phố.

- Các cơ quan truyền thông như Báo Lào Cai, Đài Phát thanh - truyền hình và các cơ quan truyền thông tại cơ sở đã giành nhiều thời lượng phát sóng về chuyên đề, chuyên mục, tuyên truyền các hoạt động, chủ trương, chính sách của trung ương và địa phương về thực hiện Chiến lược dân số; đăng tải 11.549 tin bài về các nội dung, hoạt động thực hiện Pháp lệnh Dân số; xuất bản 32.100 cuốn bản tin; sản xuất và nhân bản 642.013 sản phẩm, tài liệu tuyên truyền như tranh, ảnh, tờ rơi, sách mỏng, áp phích, đĩa VCD bằng các thứ tiếng địa phương; cấp phát 210 chiếc loa kéo phục vụ tuyên truyền; tổ chức các hội thi về tìm hiểu, tuyên truyền về Pháp lệnh Dân số; tuyên truyền bằng pano, áp phích, khẩu hiệu tại các khu đông dân cư, trụ sở làm việc. Duy trì sinh hoạt tại 140 câu lạc bộ mô hình đề án thuộc chương trình dân số; tổ chức truyền thông lồng ghép 75.396 buổi cho 2.018.9855 lượt người nghe.

- Công tác xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, bản, tổ dân phố được quan tâm chỉ đạo, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ

quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 24/1998/CT-TTg ngày 19/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư và Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước. Đến năm 2020 toàn tỉnh có 1.444/1.575 thôn, tổ dân phố đã xây dựng và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hương ước, quy ước, đạt tỷ lệ 91,68%. Hầu hết các hương ước, quy ước đã đưa nội dung thực hiện chính sách dân số là một trong những nội dung chính.

- Ban chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tuyên truyền lồng ghép thực hiện chính sách dân số - KHHGD trong các hoạt động lưu động, cổ động, chiếu bóng, biểu diễn văn nghệ, liên hoan đưa thông tin về cơ sở... Qua nhiều năm thực hiện đến nay một số tập tục lạc hậu như tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, đẻ nhiều con đã giảm dần.

3. Bảo đảm nguồn nhân lực, tài chính

- Nhân lực: Giai đoạn 2003-2008, là giai đoạn ổn định tổ chức bộ máy sau sáp nhập Ủy ban Dân số-KHHGD và Ủy ban Bảo vệ chăm sóc bà mẹ và trẻ em thành Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em các cấp; cấp tỉnh, huyện Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trực thuộc Ủy ban nhân dân; cấp xã duy trì mỗi xã có một cán bộ chuyên trách dân số xã trực thuộc Trạm Y tế, cấp thôn duy trì đội ngũ cộng tác viên dân số tại các thôn, tổ dân phố. Giai đoạn 2009-2020, thực hiện Nghị định của Chính phủ, bộ máy làm công tác dân số-KHHGD các cấp của tỉnh được kiện toàn và từng bước ổn định; đội ngũ cán bộ làm công tác dân số-KHHGD cơ sở đã được tăng cường về số lượng và từng bước được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn do có chính sách hỗ trợ của địa phương, đến nay 100% xã, phường, thị trấn có viên chức dân số xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp y dược trở lên; đối với các thôn bản duy trì đội ngũ nhân viên y tế kiêm cộng tác viên dân phố; tại tổ dân phố có cộng tác viên dân số được hưởng thù lao từ chính sách hỗ trợ của địa phương.

- Tài chính: Giai đoạn 2003-2008 kinh phí hoạt động chương trình mục tiêu quốc gia; giai đoạn 2009-2020 tiếp tục được duy trì hoạt động bằng nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia (từ năm 2016 là Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số) và nguồn vốn ngân sách của địa phương từ các chính sách hỗ trợ công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình để triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu mục tiêu đề ra.

4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát

- Kiểm tra, giám sát:

Công tác kiểm tra, giám sát hàng năm theo kế hoạch hoạt động của Chương trình mục tiêu Quốc gia dân số-KHHGD như: Tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD; quản lý phương tiện tránh thai; đảm bảo chính sách cho đối tượng thực hiện dịch vụ KHHGD; chế độ của cán bộ dân số cơ sở; thực hiện chỉ tiêu, đánh giá kết quả

công tác năm... Tuy nhiên việc kiểm tra giám sát thực hiện Pháp lệnh Dân số và các văn bản liên quan đối với công dân còn nhiều hạn chế, chưa được duy trì thường xuyên. Do tính chất công tác dân số chủ yếu là tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục là chính, chưa có đủ các chế tài xử lý đối với công dân vi phạm Pháp lệnh Dân số.

- Công tác thanh tra:

Đã tổ chức 02 đợt thanh tra liên ngành tại các cơ sở phát hành sách, các cơ sở y tế về việc cung cấp xuất bản phẩm và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi tại thành phố Lào Cai và huyện Bát Xát;

Giai đoạn 2016-2020, thực hiện 06 đợt thanh tra chuyên ngành dân số tại các đơn vị y tế huyện, thị xã, thành phố (Bắc Hà, Bát Xát, Bảo Yên, Bảo Thắng, Si Ma Cai, thành phố Lào Cai); các đơn vị được thanh tra đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật, không có sử lý vi phạm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LỆNH DÂN SỐ

1. Những quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Pháp lệnh mở rộng gồm các lĩnh vực về quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, chất lượng dân số, các biện pháp thực hiện công tác dân số và quản lý nhà nước về dân số; đối tượng áp dụng đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xã hội. Song các khái niệm về phạm vi điều chỉnh, nhiệm vụ công tác dân số (tại Điều 3 mục 10) còn chung chung, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực nên việc tổ chức triển khai, giám sát đánh giá thực hiện Pháp lệnh là rất khó khăn, cần có một tổ chức ổn định, chuyên sâu để thực hiện công tác này.

1.2. Nguyên tắc và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong công tác dân số

Tại Điều 2 của pháp lệnh Dân số, có 03 nguyên tắc của công tác dân số là phù hợp với các quy định khác của pháp luật. Tuy nhiên các quyền và lợi ích chưa gắn liền với nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

1.3. Quyền và nghĩa vụ công dân về công tác dân số

Tại Điều 4 của Pháp lệnh Dân số, công dân có 04 quyền và 04 nghĩa vụ về công tác dân số là phù hợp với các quy định khác của pháp luật. Tuy nhiên các nghĩa vụ của công dân còn chưa cụ thể như: Xây dựng quy mô gia đình ít con, no ấm, hạnh phúc; tôn trọng lợi ích của nhà nước, xã hội, cộng đồng...

1.4. Trách nhiệm của nhà nước, cơ quan, tổ chức trong công tác dân số

Tại Điều 5, Điều 6 của Pháp lệnh Dân số đã quy định cụ thể trách nhiệm của nhà nước, các cơ quan, tổ chức; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong công tác dân số-KHHGD, tuy nhiên, chức năng giám sát thực hiện pháp luật về dân số gồm nhiều lĩnh vực cần có một điều riêng, quy định cụ thể hơn về thẩm quyền, nội dung, hình thức giám sát để có thể thực hiện hiệu quả.

1.5. Các hành vi bị nghiêm cấm

Tại Điều 7 quy định 06 hành vi bị nghiêm cấm trong Pháp lệnh Dân số là đảm bảo thực hiện quyền con người, thể hiện tính nhất quán của chính sách dân số, đảm bảo tính tự nguyện của người dân trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước và phù hợp với các quy định khác của pháp luật.

2. Các quy định về quy mô dân số

Tại Điều 10 quy định Quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình; chưa nêu rõ mối quan hệ ràng buộc giữa quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Việc thực hiện mục tiêu chính sách dân số liên quan đến quyền con người, quyền sinh sản, quyền tự do đi lại, quyền được phát triển đầy đủ về thể chất, trí tuệ, tinh thần. Cá nhân, gia đình chủ động, tự nguyện, bình đẳng thực hiện các quyền của mình và phải bảo đảm phù hợp với lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia dân tộc.

Để thực hiện quy mô gia đình ít con, công dân có quyền (tại Điều 4,11,12) được tiếp nhận thông tin dân số-KHHGD, được cung cấp các dịch vụ dân số có chất lượng, thuận tiện, an toàn và nhà nước phải có trách nhiệm đảm bảo 02 quyền đó thể hiện bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta. Tuy nhiên, đối với địa bàn miền núi cao, dân trí thấp lại bất đồng ngôn ngữ việc tuyên truyền vận động và cung cấp dịch vụ còn nhiều hạn chế rất cần phải có sự quan tâm tập trung nguồn lực để thực hiện tốt chính sách dân số-KHHGD ở những vùng này.

3. Các quy định về cơ cấu dân số

Từ Điều 13 đến Điều 15 của Pháp lệnh Dân số quy định cơ cấu dân số với các nội dung: Điều chỉnh cơ cấu dân số; Bảo đảm cơ cấu dân số hợp lý; Bảo vệ các dân tộc thiểu số. Các quy định của Pháp lệnh Dân số là hoàn toàn phù hợp quan điểm chỉ đạo của Đảng và tính thực tiễn tại địa phương, cơ sở.

4. Các quy định về phân bố dân cư

Từ Điều 16 đến Điều 19 của Pháp lệnh Dân số quy định phân bố dân cư với các nội dung: phân bố dân cư hợp lý; phân bố dân cư nông thôn; phân bố dân cư đô thị; di cư trong nước và di cư quốc tế. Các quy định của Pháp lệnh Dân số là hoàn toàn phù hợp quan điểm chỉ đạo của Đảng và tính thực tiễn tại địa phương, cơ sở.

5. Các quy định về chất lượng dân số

Tại Điều 20 quy định về nâng cao chất lượng dân số cần có khái niệm đầy đủ về chất lượng dân số và trách nhiệm của nhà nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm, nghĩa vụ như thế nào trong việc nâng cao chất lượng dân số, bảo vệ nòi giống.

Cần có quy định bắt buộc của pháp luật đối với công dân trong việc khám sức khỏe tiền hôn nhân; tư vấn về sinh con, nuôi dưỡng con, phòng tránh mắc các bệnh di truyền, bệnh xã hội... bảo vệ cho thế hệ tương lai, nâng cao chất lượng giống nòi.

6. Các quy định về biện pháp thực hiện công tác dân số

Từ Điều 26 đến Điều 32 của Pháp lệnh Dân số quy định các biện pháp thực hiện công tác dân số của các tổ chức, cơ quan nhà nước với các nội dung: Quy hoạch, kế hoạch phát triển dân số, xã hội hóa công tác dân số; huy động nguồn lực cho công tác dân số; thực hiện giáo dục dân số; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số; nghiên cứu khoa học về dân số. Liên hệ với thực tế tại Lào Cai công tác dân số được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đặt đúng tầm trong lãnh đạo, chỉ đạo, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thể hiện trong các chương trình, đề án của tỉnh. Các biến dân số được đưa vào quy hoạch phát triển đô thị, khu công nghiệp, các đề án phát triển đô thị, khu công nghiệp, các đề án phát triển của các sở ngành như: xây dựng nông thôn mới, sắp xếp bố trí dân cư, đào tạo nghề, phát triển y tế, giáo dục, văn hóa... của địa phương; các nội dung về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số, thực hiện giáo dục dân số, huy động nguồn lực cho công tác dân số... được tỉnh quan tâm chỉ đạo điều đó khẳng định các quy định của Pháp lệnh Dân số là hoàn toàn phù hợp quan điểm chỉ đạo của Đảng và tính thực tiễn tại địa phương, cơ sở.

7. Các quy định về quản lý nhà nước về dân số

Từ Điều 33 đến Điều 36 của Pháp lệnh đã quy định quản lý nhà nước về dân số gồm: Nội dung quản lý; Cơ quan quản lý; Đăng ký dân số và hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; khiếu nại, tố cáo. Với nhiều nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về dân số cần có các quy định cụ thể đến các cơ quan tham gia trong công tác quản lý dân số.

8. Các quy định về khen thưởng và xử lý vi phạm

Điều 37, 38 của Pháp lệnh Dân số quy định về khen thưởng, kỷ luật. Các quy định của Pháp lệnh Dân số là hoàn toàn phù hợp quan điểm chỉ đạo của Đảng và tính thực tiễn tại địa phương, cơ sở.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Những kết quả cơ bản đã đạt được

Việc triển khai thực hiện Pháp lệnh Dân số tại Lào Cai đã đạt được những kết quả nhất định: Pháp lệnh Dân số và các văn bản pháp luật liên quan đã được quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân. Trong quá trình tổ chức thực hiện pháp lệnh Dân số đã có sự vào cuộc mạnh mẽ của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và đông đảo nhân dân. Qua đó đã rèn luyện và đào tạo ra nhiều tấm gương điển hình, những tập thể xuất sắc trong phong trào thực hiện công tác dân số-KHHGD.

Lào Cai đã có chính sách hỗ trợ công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình do đó đã có đội ngũ viên chức dân số xã được tuyển dụng tại 100% số xã, phường, thị trấn trong tỉnh; đội ngũ cộng tác viên là y tế thôn bản kiêm nhiệm, tại tổ dân phố có cộng tác viên được hưởng thù lao từ chính sách địa phương đã giúp cho đội ngũ cán bộ dân số cơ sở yên tâm, nhiệt tình hơn trong công tác.

Tỷ suất sinh giảm từng năm, chất lượng dân số được cải thiện; nhiều hoạt động nâng cao chất lượng dân số đã được đưa vào thành chỉ tiêu kế hoạch hàng năm của từng địa phương như: Sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, tư vấn khám sức khỏe trước kết hôn, khám sức khỏe người cao tuổi...

2. Những hạn chế, tồn tại

- Mức độ chuyên đổi hành vi của người dân về dân số-KHHGD chưa cao và chưa thực sự bền vững; còn tồn tại nhữn hủ tục tập quán, lạc hậu, tư tưởng trọng nam hơn nữ còn nặng nề; tình trạng sinh con thứ 3 trở lên, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống vẫn còn xảy ra.

- Chính quyền cơ sở một số nơi còn chưa thực sự quan tâm, thiếu kiên quyết trong xử lý các cá nhân cố tình vi phạm do thiếu chế tài cụ thể.

- Số liệu biến động dân số cập nhật chưa kịp thời, chưa phản ánh đúng thực trạng tại cơ sở.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Dân cư phân tán do địa hình, tập quán; mật bằng dân trí thấp dẫn đến việc quản lý dân cư và triển khai các hoạt động truyền thông gặp khó khăn.

- Điều kiện kinh tế của tỉnh còn khó khăn. Đây là nguyên nhân sâu xa của tình trạng đẻ nhiều, tảo hôn, kết hôn cận huyết thống ở các địa phương.

- Một số điều, khoản trong Pháp lệnh Dân số quy định chưa thật chặt chẽ, rõ ràng đã dẫn đến hiện tượng một số trường hợp cố tình hiểu sai và thực hiện không đúng với chủ trương. Việc ban hành nghị định và các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện pháp lệnh Dân số chưa kịp thời gây khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Vai trò của người đứng đầu một số cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở còn chưa cao, chưa thực sự quan tâm đến công tác dân số-KHHGD.

- Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa đạt được sự đồng bộ thực sự.

- Đầu tư nguồn lực tài chính cho công tác dân số-KHHGD còn thấp.

- Tổ chức bộ máy làm công tác dân có nhiều thay đổi, cán bộ có sự biến động. trình độ năng lực vẫn còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu, nhiệm vụ.

- Chính sách khuyến khích, hỗ trợ chưa đủ mạnh, công tác xử lý những hành vi vi phạm Pháp lệnh Dân số chưa được quyết liệt. Một số đảng viên chưa gương mẫu thực hiện những quy định của Pháp lệnh Dân số, thiếu ý thức tự giác trong việc thực hiện quy mô gia đình ít con.

- Các hình thức, phương pháp truyền thông có lúc, có nơi, có địa phương chưa thực sự đa dạng, phong phú và hiệu quả.

- Chưa có các giải pháp tích cực hiệu quả để huy động các nguồn lực từ cộng đồng và xã hội cho công tác dân số-KHHGD.

IV. ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG LUẬT DÂN SỐ/BỔ SUNG, SỬA ĐỔI PHÁP LỆNH DÂN SỐ

1. Căn cứ xây dựng, bổ sung, sửa đổi pháp luật dân số

Một là, thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, định hướng của Đảng về công tác dân số, trực tiếp nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, Đảng ta đã khẳng định quan điểm nhất quán “*Tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo đảm phát triển nhanh, bền vững*”.

Hai là, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật hiện hành liên quan đến quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân. Quốc hội khóa XIII đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó có nhiều quy định mới về quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 quy định “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*” (khoản 2, Điều 14). Một trong những quy định liên quan trực tiếp đến quyền con người là quyền sinh sản được quy định tại Pháp lệnh Dân số (Điều 10) không còn phù hợp với Hiến pháp, do đó cần phải có khung pháp lý ở cấp độ luật hoặc sửa đổi quy định này.

Ba là, khắc phục những tồn tại, hạn chế của Pháp lệnh Dân số để điều chỉnh toàn diện các vấn đề dân số và phù hợp với các giá trị văn hóa dân tộc và con người Việt Nam. Pháp lệnh Dân số là cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện, tạo nên sự chuyển biến tích cực về công tác dân số. Tuy nhiên Pháp lệnh Dân số còn có một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục như một số quy định còn chung chung, tính khả thi chưa cao; thiếu các quy định cụ thể về quyền, trách nhiệm của các chủ thể trong xã hội đối với việc giải quyết những vấn đề dân số, về đối tượng ưu tiên, mức ưu tiên và chính sách ưu tiên.

Bốn là, điều chỉnh những vấn đề dân số mới phát sinh. Hiện nay, có những thay đổi khác biệt về các vấn đề kinh tế, xã hội, dân số cần pháp luật điều chỉnh để giải quyết toàn diện cả về quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số, bảo đảm cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, đó là: (1) Mức sinh giữa các vùng còn chênh lệch đáng kể. Khu vực kinh tế - xã hội nhiều khó khăn có mức sinh cao, có nơi rất cao, trong khi ở một số vùng đô thị, kinh tế - xã hội phát triển, mức sinh đã xuống thấp, có nơi thấp hơn nhiều so với mức sinh thay thế; (2) Mất cân bằng giới tính khi sinh tăng nhanh, đã ở mức nghiêm trọng và ngày càng lan rộng; (3) Yêu cầu phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng; (4) Già hóa dân số với tốc độ nhanh, đòi hỏi sự thích ứng của xã hội; (5) Phân bố dân

số, quản lý di cư còn nhiều bất cập; (6) Chất lượng dân số còn thấp, yêu cầu nâng cao chất lượng dân số được đặc biệt quan tâm; (7) Các yếu tố dân số chưa được lồng ghép một cách hệ thống trong kế hoạch phát triển...

Năm là, Việt Nam đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình nên nguồn vốn viện trợ cho lĩnh vực dân số bị cắt giảm mạnh, hoặc không còn nhận được hỗ trợ. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật cùng nhiều vấn đề xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả làm thay đổi cách thức quản lý về dân số và là những yếu tố cản trở mục tiêu công tác dân số.

2. Một số nội dung đề nghị trong việc xây dựng, bổ sung, sửa đổi pháp lệnh dân số

2.1. Về quy mô dân số

Mục tiêu giải quyết vấn đề: duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 1 đến 2 con). Quy định về quyền, nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện chính sách dân số.

2.2. Về cơ cấu dân số

Mục tiêu giải quyết vấn đề: khống chế có hiệu quả tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, tiến tới đưa tỷ số giới tính khi sinh trở lại mức cân bằng tự nhiên; đến năm 2030 tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống. Đề ra giải pháp, ban hành cơ chế chính sách đồng bộ nâng cao sức khỏe nhân dân, tăng cường giáo dục nghề nghiệp, tạo đủ việc làm với năng suất cao để tận dụng lợi thế thời kỳ dân số vàng. Nâng cao chất lượng cuộc sống, tuổi thọ khỏe mạnh của người cao tuổi; chủ động thích ứng với già hóa dân số và phát huy người cao tuổi.

2.3. Về phân bố dân số

Mục tiêu giải quyết vấn đề: thực hiện quyền tự do đi lại, cư trú theo quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế của Việt Nam về di cư; tạo điều kiện thuận lợi cho người di cư, tiếp cận một cách bình đẳng với dân sở tại về việc làm, các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, thông tin truyền thông, điện, nước sạch.... Có giải pháp ngăn chặn xu hướng tích tụ dân số với mật độ quá cao ở các đô thị; tạo điều kiện để thu hút người di cư dân đến sinh sống ổn định, lâu dài ở các khu vực khó khăn, trọng yếu về an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái nhằm bảo đảm phân bố dân số hợp lý, đồng đều hơn giữa các vùng, các tỉnh, các huyện và xã/phường.

2.4. Về nâng cao chất lượng dân số

Mục tiêu giải quyết vấn đề: nâng cao chất lượng dân số, chất lượng cuộc sống, bảo đảm hạnh phúc hôn nhân, cụ thể là: Bảo đảm cuộc hôn nhân bền vững; sinh ra những đứa trẻ khỏe mạnh; phòng, tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục; nam nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; bảo đảm khung pháp lý trong việc thực hiện các biện pháp tầm soát bệnh, tật bẩm

sinh; phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực cung cấp dịch vụ tầm soát bệnh, tật bẩm sinh. Bảo đảm quyền, nghĩa vụ của các nhóm đối tượng (khách hàng, người cung cấp dịch vụ, công chức nhà nước quản lý lĩnh vực này) trong việc thực hiện các quy định về tầm soát bệnh, tật bẩm sinh để đạt mục tiêu nâng cao chỉ số sức khỏe con người Việt Nam đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

2.5. Về lồng ghép các yếu tố trong kế hoạch phát triển

Mục tiêu giải quyết vấn đề: xây dựng các quy định pháp luật để cơ quan, tổ chức hoạch định chính sách, lập kế hoạch phát triển (kinh tế, xã hội, môi trường) có trách nhiệm thực hiện lồng ghép các yếu tố dân số, như: quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số, mức sinh, mức chết, di cư vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương nhằm tăng tính hiệu quả của chính sách, kế hoạch phát triển.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 18 năm thực hiện Pháp lệnh Dân số ban hành năm 2003 và Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số ban hành năm 2008 của UBND tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Sở Y tế; Chi cục DS-KHHGD;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH3, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Thị Dung